

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách
năm 2018 của huyện Vạn Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 28/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện khóa XI, kỳ họp thứ 5 về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 28/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện khóa XI, kỳ họp thứ 5 về kế hoạch đầu tư phát triển sử dụng vốn Nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 2168/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND huyện Vạn Ninh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2018 của huyện Vạn Ninh (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

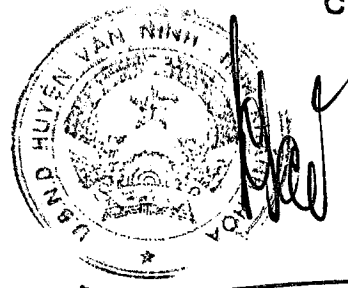
Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa;
- Văn phòng Huyện ủy Vạn Ninh;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể ở huyện;
- UBND các xã, thị trấn thuộc huyện;
- Lưu: VT. KH/

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Kim Bảo

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 109 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh)

ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	479.730
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	84.147
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	58.220
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	25.927
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	385.096
-	Thu bổ sung cân đối	380.096
-	Thu bổ sung có mục tiêu	5.000
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
V	Thu cải cách tiền lương	10.487
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	479.730
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	479.730
1	Chi đầu tư phát triển	72.800
2	Chi thường xuyên	396.526
3	Dự phòng ngân sách	8.914
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.490
II	Chi các chương trình mục tiêu	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 109 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 04 năm 2018 của Ủy ban nhân dân
huyện Vạn Ninh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	456.257
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	61.674
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	385.096
-	Thu bổ sung cân đối	380.096
-	Thu bổ sung có mục tiêu	5.000
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
5	Thu cải cách tiền lương	9.487
II	Chi ngân sách	456.257
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	378.820
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	77.437
-	Chi bổ sung cân đối	77.437
-	Chi bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	100.910
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	22.473
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	77.437
-	Thu bổ sung cân đối	77.437
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
5	Thu cải cách tiền lương	1.000
II	Chi ngân sách	100.910
		1

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 109 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 04 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh)

ST T	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2018	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	514.763	479.730
I	Thu nội địa	119.180	84.147
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	43.930	33.847
	- Thuế giá trị gia tăng	32.010	23.047
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.760	2.707
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	240	173
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>		
	- Thuế tài nguyên	7.920	7.920
5	Thuế thu nhập cá nhân	4.550	
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	12.600	12.600
8	Thu phí, lệ phí	8.650	4.850
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50	50
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.700	
12	Thu tiền sử dụng đất	26.000	26.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	5.200	
16	Thu khác ngân sách	11.300	1.600
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	5.200	5.200
II	Thu viện trợ		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh)

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	479.730	378.820	100.910
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	479.730	378.820	100.910
I	Chi đầu tư phát triển	72.800	52.576	20.224
1	Chi đầu tư cho các dự án	72.800	52.576	20.224
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	-		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-		
-	Chi khoa học và công nghệ	-		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	-		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	26.000	17.200	8.800
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-		
2	Chi đầu tư phát triển khác	-		
II	Chi thường xuyên	396.526	317.557	78.969
	Trong đó:	-		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	200.728	200.156	572
2	Chi khoa học và công nghệ	-		
III	Dự phòng ngân sách	8.914	7.197	1.717
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.490	1.490	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)	-		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu nhiệm vụ)	-		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 109 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2018 của UBND huyện Vạn Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			SN Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	SN khoa học công nghệ	SN y tế	SN Văn hóa TT	SN Truyền thanh-TH	SN Thể dục TT	SN Môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	trong đó		Đảm bảo xã hội	Quản lý hành chính	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	TỔNG SỐ	280.268	196.134		503	1.679	1.105	275	2.000	18.668	9.002	9.666	33.795	26.109	
1	Văn phòng UBND và UBND:	4.699											33.795	26.109	
2	Phòng Tư pháp:	551												4.699	
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch:	782												551	
4	Biệt phái xã:	275												782	
5	Phòng Quản lý đô thị:	4.240								3.602	3.602			275	
6	Phòng Kinh tế:	6.088								5.268		5.268		638	
7	Phòng Giáo dục và Đào tạo:	196.999	194.959											820	
8	Phòng Y tế:	384											33.795	2.040	
9	Phòng Lao động TB và XH:	35.985	500		503									384	
10	Phòng Văn hóa và Thông tin:	509												1.187	
11	Phòng Tài nguyên và Môi trường:	6.264							2.000					509	
12	Phòng Nội vụ:	1.188										3.509		755	
13	Thanh tra	827												1.188	
14	Đài Truyền thanh - TH:	1.119				1.105								827	
														14	



STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			SN Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	SN khoa học công nghệ	SN y tế	SN Văn hóa TT	SN Truyền thanh-TH	SN Thẻ dục TT	SN Môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	tương đố		Đảm bảo xã hội	Quản lý hành chính
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
15	Huyện ủy:	6.931												6.931
16	Ủy ban Mặt trận TQVN:	1.495												1.495
17	Hội Đông y (2 b/c)	174												174
18	Hội Chữ Thập đỏ (2 b/c)	165												165
19	Huyện Đoàn:	716	63											653
20	Hội Phụ nữ:	672												672
21	Hội Nông dân:	795												795
22	Hội Cựu chiến binh:	514												514
23	Trung tâm Văn hóa - TT :	1.578			1.290		275							14
24	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị:	612	612											
25	Nhà Thiếu Nhi:	389			389									
26	Trung tâm Phát triển quỹ đất:	903						889				889		14
27	Ban Quản lý dự án các CTXD huyện:	5.414								5.400				14

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số 109 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 04 năm 2018 của UBND huyện Vạn Ninh)

DVT: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			SN Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	SN khoa học công nghệ	SN y tế	SN Văn hóa TT	SN Truyền thanh-TH	SN Thẻ dục TT	SN Môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	trong đó		Đảm bảo xã hội	Quản lý hành chính
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	12	13
	TỔNG SỐ	<u>41.755</u>	<u>9.438</u>						<u>1.500</u>	<u>27.211</u>	<u>23.974</u>	<u>3.237</u>		<u>3.606</u>
1	Ban Quản lý dự án các CTXD	26.930	5.105							21.825	21.313	512		
	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Ngô Quyền) và Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Trần Hưng Đạo)	8.000								8.000	8.000			
	Đường Phạm Ngũ Lão (đoạn từ đường 14/8 đến đường Hà Huy Tập)	4.966								4.966	4.966			
	Trường MG Vạn Bình: Xây mới khu hiệu bộ, 05 phòng học, phòng y tế, nhà bảo vệ; cải tạo, mở rộng bếp một chiều, phòng nhân viên; nhà xe, nhà vệ sinh GV; tường rào; cải tạo sân bê tông; xây kè và đổ đất nâng mặt bằng (điểm Trung Dống 1 - chưa kể vốn Đề án 0	2.448	2.448											

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			SN Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	SN khoa học công nghệ	SN y tế	SN Văn hóa TT	SN Truyền thanh-TH	SN Thể dục TT	SN Môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	trong đó		Đảm bảo xã hội	Quản lý hành chính
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Trường TH Vạn Bình (điểm Trung Đông 1): Xây mới khu nhà hành chính, thư viện; nhà xe giáo viên, học sinh; tường rào	1.666	1.666											
	Trường MG Vạn Thọ: Xây mới khu hiệu bộ, bếp ăn một chiều, phòng y tế, nhà bảo vệ, phòng nhân viên, nhà xe nhà vệ sinh GV, tường rào (điểm Cỏ Mả); công tường rào (điểm Tuấn Lễ trên); công tường rào và nhà vệ sinh GV(điểm Tuấn Lễ dưới)	991	991											
	Đường từ bờ tràn đi Vinh Huệ Vạn Phú	1.688								1.688	1.688			
	Đường Lê Lợi (đoàn từ .đường Hùng Vương đến đường ray xe lửa)	3.000								3.000	3.000			
	Trụ sở UBND xã Vạn Khánh	2.059								2.059	2.059			
	Hệ thống giếng khoan tập trung, các bể chứa nước và xử lý nước cho 4 thôn đảo xã Vạn Thạnh (gồm Ninh Tân, Ninh Đảo, Khai Lương và Diệp Sơn)	512								512		512		
	Nâng cấp đường từ QL 1A đến K18	1.600								1.600	1.600			
2	Phòng Giáo dục và ĐT	4.333	4.333											

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			SN Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	SN khoa học công nghệ	SN y tế	SN Văn hóa TT	SN Truyền thanh-TH	SN Thể dục TT	SN Môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	trong đó		Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Đảm bảo xã hội	Quản lý hành chính
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	Trường Tiểu học Vạn Phú 3: xây mới 04 phòng học, phòng giáo viên, phòng thư viện, phòng nghệ thuật, phòng thiết bị, nhà trực.	1.434	1.434												
	Trường Mẫu giáo Vạn Bình: Đầu tư bếp ăn 1 chiểu, trang thiết bị của văn phòng, phòng nghệ thuật và thiết bị của 05 phòng họp	449	449												
	Trường Tiểu học Vạn Bình (điểm Trung Đông 1): Sửa chữa 12 phòng học cũ	840	840												
	Trường Tiểu học Vạn Bình (điểm Trung Đông 1): Trang thiết bị thư viện, phòng giáo viên, đóng bàn ghế mới 18 phòng học	762	762												
	Trường THCS Trần Phú: Cải tạo, sửa chữa mái ngói 05 phòng học, quét vôi khu hành chính, đây phòng học và phòng chức năng	848	848												
3	Trung tâm Phát triển Quy đất	1.963							1.500	463	463				
	Di dời đường dây hạ áp phục vụ cho xây dựng nhà máy nước Tu Bông	463								463	463				
	San lấp mặt bằng bãi rác Suối Hàng - Vạn Khánh	1.500							1.500						
4	Phòng Kinh tế	1.826								1.826					

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										Quản lý hành chính	
			SN Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	SN khoa học công nghệ	SN y tế	SN Văn hóa TT	SN Truyền thanh-TH	SN Thể dục TT	SN Môi trường	Chỉ các hoạt động kinh tế	trong đó			Đảm bảo xã hội
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Kiến cố hóa kênh từ sân đất sét đến Gò đất lớn	607								607		607		
	Kiến cố hóa kênh mương Cây Bướm	619								619		619		
	Kiến cố hóa kênh Thỏ Hoang	600								600		600		
5	UBND xã Vạn Bình	3.123								1.028	1.028			2.095
	Hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất bên trong 5 nhà sinh hoạt cộng đồng thôn (Trung Dông 1, Bình Lộc 1, Bình Lộc 2, Từ Chánh, Bình Trung 2) cho xã Vạn Bình đạt chuẩn NTM	250												250
	Đường thôn Bình Trung 2	308								308	308			
	Đường liên thôn cơ sở Bình Lộc 2	361								361	361			
	Đường Từ Chánh - Trung Dông 3	359								359	359			
	Xây mới nhà văn hóa - khu thể thao thôn Trung Dông 2 và thôn Trung Dông 3	1.150												1.150
	Sửa chữa, nâng cấp Hội trường trụ sở UBND xã Vạn Bình	695												695
6	UBND xã Vạn Phú	899								899		899		
	Cải tạo, sửa chữa Kênh Gò Đò - Bà Thu	899								899		899		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			SN Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	SN khoa học công nghệ	SN y tế	SN Văn hóa TT	SN Truyền thanh-TH	SN Thể dục TT	SN Môi trường	Chỉ các hoạt động kinh tế	trong đó		Đảm bảo xã hội	Quản lý hành chính
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
7	UBND xã Vạn Long Xây dựng mới Nhà văn hóa thôn Hải Triều	200 200												200 200
8	UBND xã Vạn Khánh Nâng mặt bằng điểm dân cư chợ Vạn Khánh	711 711												711 711
9	UBND xã Vạn Thạnh Đường Hòn Chùa đến nghĩa trang thôn Ninh Tân xã Vạn Thạnh	1.170 1.170								1.170 1.170	1.170 1.170			
10	UBND Xã Xuân Sơn Sửa chữa dây phòng làm việc UBND xã Xuân Sơn	300 300												300 300
11	UBND Xã Xuân Sơn Sửa chữa dây phòng làm việc UBND xã Xuân Sơn	300 300												300 300